

Bản án số: 33/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 16-7-2019

*V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Tuyên và Bà Nguyễn Thị Thị Thu  
Hường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:** Bà  
Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm  
2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên  
tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Kiều Thị S – sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã Đ, huyện U, TP. Hà Nội

2. **Bị đơn:** Anh Kiều Văn T – sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã Đ, huyện U, TP. Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn ly hôn, biên bản tự khai, biên bản hòa giải chị Kiều Thị S là  
nguyên đơn trình bày:** Chị và anh T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn  
trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đội Bình năm 2002. Sau  
khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát S mâu thuẫn  
nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; bản  
thân anh T hay uống rượu rồi gây sự dẫn đến vợ chồng liên tục cãi nhau. Chị và gia  
đình đã khuyên bảo nhiều lần, bản thân chị cũng cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ  
chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ  
chồng càng phai nhạt bấy nhiêu. Đặc biệt từ năm 2018 thì mâu thuẫn càng trở nên  
trầm trọng khi anh T ghen tuông, nghi ngờ chị ngoại tình. Chị đã giải thích, phân  
tích nhưng anh không nghe. Quá mệt mỏi khi cuộc sống vợ chồng không có niềm

tin và anh luôn gây áp lực tình thần đối với chị nên hai vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh T.

Về con chung, chị và anh T có 02 con chung là Kiều Quốc N – S ngày 03/11/2003 và Kiều Thị Ngọc A – S ngày 18/9/2005. Khi ly hôn, chị mong muốn được nuôi cả hai con và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con vì từ trước đến nay kinh tế của gia đình đều do chị lo, hiện tại chị đang bán hoa thu nhập thường hơn 10.000.000đ/tháng; trong khi đó anh T thì công việc không ổn định, không biết tính toán làm ăn. T hợp không được nuôi cả hai con thì chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được nuôi cháu A còn anh T nuôi cháu N. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

**Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải anh Kiều Văn T là bị đơn trình bày:** Anh và chị S qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đội Bình năm 2002. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc không xảy ra vấn đề gì. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có nhiều bất đồng quan điểm sống dẫn đến đôi lúc cãi nhau. Nhưng vợ chồng cũng cố gắng vun vén hạnh phúc để nuôi dạy các con. Xong trước khi cưới anh, chị S có yêu một người nhưng bị hai bên gia đình phản đối nên không cưới được. Đầu năm 2018 thì anh người yêu cũ của chị S về quê S sống, hai người có nhắn tin với nhau, anh phân tích khuyên bảo thì chị không nghe dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân gần 01 năm. Anh đã cố gắng níu kéo, cố gắng hàn gắn vì thương các con nhưng đến nay chị S đã cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh và chị S có 02 con chung như chị S trình bày là Kiều Quốc N – S ngày 03/11/2003 và Kiều Thị Ngọc A – S ngày 18/9/2005. Khi ly hôn, anh mong muốn được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con vì hiện tại hai anh em đang ở với nhau anh không muốn chia rẽ các con, anh đang lái xe taxi thu nhập cũng được 10.000.000đ/tháng. Về tài sản, công nợ chung, anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Kiều Thị S được ly hôn anh Kiều Văn T. Về con chung: giao chị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kiều Thị Ngọc A – S ngày 18/9/2005; giao anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kiều Quốc N – S ngày 03/11/2003. Chị S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đồng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Kiều Thị S đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Kiều Văn T đến tham gia phiên toà ngày 26/6/2019 nhưng do sự vắng mặt của anh T nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà.

[2] Về hôn nhân: Chị Kiều Thị S và anh Kiều Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đội Bình ngày 10/12/2002 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung nên dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; vợ chồng chung sống không có niềm tin, nghi ngờ ghen tuông nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân gần 01 năm nay; cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Bản thân anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng vì các con nên anh rất mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị S đã cương quyết ly hôn nên anh không muốn níu kéo thêm nữa và anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy cuộc sống giữa chị S và anh T mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt; chị S và anh T thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Kiều Thị S và anh Kiều Văn T đều xác nhận có 02 con là Kiều Quốc N – S ngày 03/11/2003 và Kiều Thị Ngọc A – S ngày 18/9/2005. Khi ly hôn, chị S và anh T đều có nguyện vọng nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy, chị S và anh T đều cương quyết xin nuôi hai con nhưng cháu N và cháu A đều có quan điểm mong muốn được ở với bố. Xong cháu N là con trai, cháu A là con gái cả hai cháu đang tuổi vị thành niên có nhiều thay đổi về tâm S lý. Qua xác minh tại chính quyền địa phương đều xác nhận cả chị S và anh T đều có điều kiện về kinh tế để nuôi dạy con xong việc giao con sao cho phù hợp với tâm S lý của các cháu. Vì vậy, giao cho chị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A; giao cho anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị S và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị S và anh T cho đến khi có thay đổi khác; chị S và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Kiều Thị S và anh Kiều Văn T không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Kiều Thị S được quyền ly hôn anh Kiều Văn T.

2. Về con chung: giao cho chị Kiều Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kiều Thị Ngọc A– S ngày 18/9/2005; giao cho anh Kiều Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kiều Quốc N - S ngày 03/11/2003; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị S và anh T cho đến khi có thay đổi khác; chị S và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Kiều Thị S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009087 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thanh Minh**